

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-5-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

2. Ông Hồ Hữu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 544/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1973

Địa chỉ: tổ 8, thôn X, xã L, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1965

Địa chỉ: tổ 8, thôn X, xã L, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2021 và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn – bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Trọng N kết hôn dựa trên sự gán ghép, mai mối của gia đình. Hai bên chung sống với nhau từ năm khoảng năm 1992 nhưng không làm thủ tục kết hôn. Đến năm 2003, mới tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại Thôn X, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu. Ngay từ những ngày đầu chung sống, ông N đã thường xuyên đi nhậu, càng về sau thì càng nhậu nhiều hơn. Bà T nhiều lần khuyên bảo nhưng ông N không thay đổi, cũng nhiều lần bà T có ý định ly hôn nhưng vì các con còn nhỏ nên lại cố gắng

sống để nuôi dạy con chung. Bà T cũng hi vọng là khi con cái lớn hơn thì ông N sẽ biết nhìn các con mà thay đổi để sống tốt hơn nhưng ông không những không thay đổi mà còn nhậu say rồi đi đường gây tai nạn cho người ta dẫn đến phải đi tù. Sau khi chấp hành án xong, ông vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên nhậu nhẹt, nếu bà T hoặc gia đình nhắc nhở thì ông còn có lời đe dọa nên cũng không ai nói gì nữa. Vì không thể tiếp tục chung sống với ông N nên bà T đã chuyển ra khỏi nhà sống hơn 01 năm nay. Ban đầu, bà T đến nhà của ở gần đó để ở và đi làm nhưng ông N phát hiện và đã đập phá chỗ ở, đốt đồ nên bà T mới chuyển sang Phường 10, thành phố Vũng Tàu thuê phòng ở tạm. Nay xét thấy giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn ông N.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1999 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 21/4/2005.

Các con Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị Phương T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Trọng P, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, bà T đồng ý giao cháu Nguyễn Trọng P cho ông Nguyễn Trọng N nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn – ông Nguyễn Trọng N trình bày:

Vợ chồng sống chung với nhau từ khoảng năm 1993-1994 nhưng đến năm 2003 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không tránh khỏi những lúc mâu thuẫn. Ông N đi làm với anh em thì cuối ngày có ngồi lại uống với nhau một vài ly rượu, bia. Có những hôm về nhà do cũng đã say nên cũng có to tiếng với vợ con làm ảnh hưởng đến không khí gia đình, nhưng ông N không đánh đập vợ con.

Khoảng hơn 01 năm nay, bà T đã tự ý chuyển ra khỏi nhà, ông Tươi không biết vợ hiện sống ở đâu, vợ chồng sống ly thân hơn 01 năm nay. Quá trình sống ly thân thì vợ cũng thường về thăm các con, nấu cho các con ăn nhưng vợ chồng không nói với nhau lời nào. Ông N vẫn còn thương vợ và muốn vợ chồng có thể đoàn tụ để cùng sống với các con. Tuy nhiên, ông N nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được nên nay đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1999 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 21/4/2005.

Cháu A và T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần cháu P: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông N yêu cầu được

trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Dại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Huỳnh Thị T khởi kiện ông Nguyễn Trọng N về việc “Ly hôn”, bị đơn – ông Nguyễn Trọng N có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa thì thấy: bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn Nghĩa đăng ký kết hôn ngày năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian chung sống, bà T và ông N phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của bà T, ông N: Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, ông N thường đi nhậu và lúc say ông N có to tiếng với con. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không nói chuyện hay hòa giải để đoàn tụ.

Qua xác minh tại địa phương ghi nhận: Ông N là người thường xuyên đi nhậu và say xỉn. Tuy nhiên địa phương không thấy vợ chồng hay những người xung quanh phản ánh về mâu thuẫn của người và cũng không yêu cầu địa phương hòa giải nên không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho bà T và ông N hòa giải, tuy nhiên ông N không có mặt theo đúng thời gian Tòa

án án định không tiến hành hòa giải được. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2022 ông N không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, đến ngày 29/4/2022, nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên ông N đồng ý ly hôn (thể hiện trong Bản tự khai ngày 29/4/2022). Tại phiên tòa hôm nay ông N vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Nhận thấy, hiện nay bà T và ông N đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn tình cảm giữa bà T và ông N là không thể thực hiện được, ông N cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị T đối với ông Nguyễn Trọng N.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông N có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1999 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 21/4/2005.

Cháu Nguyễn Thị Thúy A và Nguyễn Thị Phương T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Trọng P có nguyện vọng sống với mẹ, tuy nhiên ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, bà T đồng ý giao con cho ông N nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Trọng P cho ông Nguyễn Trọng N nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Ông N không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, bà T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Trọng N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

[1] *Về hôn nhân:* Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Trọng N.

[2] *Về con chung:* Quá trình chung sống có 03 con chung tên là Nguyễn

Thị Thúy A, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1999 và Nguyễn Trọng P, sinh ngày 21/4/2005.

Cháu Nguyễn Thị Thúy A và Nguyễn Thị Phương T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay giao cháu P cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003981 ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, bà T đã nộp xong.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TPVT;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Hồng Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên toà**

Đặng Song Hoàn

Nguyễn Văn Hải

Nguyễn Văn Kiên